

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15003485	Nguyễn Quốc Thề	15CDN-Ô	05/06/1997
2	15002746	Huỳnh Bảo Anh	15CD-Ô1	18/04/1997
3	15000860	Mai Xuân Trường	15CD-Ô1	22/9/1997
4	15000816	Nguyễn Hồng Tơ	15CD-Ô1	10/12/1997
5	15000814	Nguyễn Thành Bảo	15CD-Ô1	24/01/1997
6	15003181	Nguyễn Thanh Hồng	15CD-Ô1	26/10/1981
7	15000855	Phạm Tài Tuấn	15CD-Ô1	29/11/1997
8	15003168	Phạm Văn Hậu	15CD-Ô1	03/05/1997
9	15002493	Bùi Thượng Lưu	15CD-Ô2	10/10/1997
10	15002745	Đặng Hoàng Sang	15CD-Ô2	01/08/1997
11	15000656	Huỳnh Nhật Duy	15CD-Ô2	21/11/1997
12	15000614	Lê Thanh Hưng	15CD-Ô2	24/04/1997
13	15000583	Ngô Năng Võ	15CD-Ô2	17/04/1997
14	15000655	Nguyễn Chánh Triệu	15CD-Ô2	22/04/1997
15	15003359	Nguyễn Đức Hiền	15CD-Ô2	08/05/1997
16	15003202	Nguyễn Hữu Hậu	15CD-Ô2	03/05/1997
17	15000730	Trần Minh Trung	15CD-Ô2	12/09/1997
18	15000712	Võ Hoài Nam	15CD-Ô2	24/10/1997
19	15002593	Võ Minh Khương	15CD-Ô2	23/11/1997
20	15000546	Bùi Phúc Thịnh	15CD-Ô3	24/07/1997
21	15000554	Cao Phi Long	15CD-Ô3	27/03/1997
22	15002923	Lưu Hữu Sang	15CD-Ô3	08/08/1997
23	15002685	Nguyễn Huỳnh Mạnh	15CD-Ô3	31/12/1997
24	15001093	Huỳnh Trương Phương	15CD-Ô4	08/10/1997
25	15003510	Nguyễn Bùi Như Ý	15CD-Ô4	14/01/1997
26	15001108	Nguyễn Ngọc Tuấn	15CD-Ô4	24-3-1997
27	15001121	Phạm Minh Lưu	15CD-Ô4	13/06/1996
28	15001614	Phan Duy Thiện	15CD-Ô4	08/01/1996
29	15002303	Lê Duy Anh	15CD-Ô5	18/02/1996
30	15001409	Nguyễn Thanh Liêm	15CD-Ô5	25/1/1997
31	15001453	Nguyễn Tấn Khải	15CD-Ô6	05/05/1997
32	15002041	Phan Nguyễn Duy Khiêm	15CD-Ô6	27/4/1997
33	15000775	Phạm Quốc Khánh	15TCN-Ô1	05/01/1999
34	15000392	Võ Tuấn Anh	15TCN-Ô1	25/03/2000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
35	15000493	Vương Anh Bảo	15TCN-Ô1	28/07/1999
36	15003118	Nguyễn Quang Trường	15TC-Ô	17/07/1998
37	15003022	Thắm Trung Anh	15TC-Ô	11/11/1998
38	16003951	Ngô Tấn Tú	16CĐ-LTÔTÔ	27/11/1992
39	16003918	Nguyễn Thành Hiếu	16CĐ-LTÔTÔ	02/4/1997
40	16001591	Gip Lương Phong	16CĐN-Ô1	18/07/1998
41	16000715	Trương Đăng Quy	16CĐN-Ô1	28/03/1998
42	16003150	Bùi Tấn Vương	16CĐN-Ô2	27/01/1997
43	16003771	Điêu Anh Hùng	16CĐN-Ô2	04/02/1998
44	16003187	Đoàn Quốc Vương	16CĐN-Ô2	01/06/1998
45	16003493	Đồng Văn Nhựt	16CĐN-Ô2	22/10/1998
46	16002407	La Văn Giới	16CĐN-Ô2	19/12/1997
47	16003734	Lê Hải Quốc Khoa	16CĐN-Ô2	26/12/1996
48	16003344	Lê Quang Đạt	16CĐN-Ô2	22/01/1997
49	16003461	Lý Xuân Duy	16CĐN-Ô2	16/06/1997
50	16000178	Nguyễn Đức Duy	16CĐN-Ô2	08/03/1997
51	16003343	Nguyễn Hữu Nhu	16CĐN-Ô2	06/04/1998
52	16002795	Phạm Học Gia Luân	16CĐN-Ô2	11/11/1998
53	16003776	Phạm Ngọc Thiện	16CĐN-Ô2	02/06/1998
54	16002776	Phạm Tấn Tài	16CĐN-Ô2	07/09/1998
55	16003167	Trần Quốc Đạt	16CĐN-Ô2	21/11/1996
56	16003529	Đinh Quý Gia Huy	16CĐ-Ô1	02/02/1998
57	16000739	Ngô Thanh Nguyên	16CĐ-Ô1	22/12/1998
58	16000763	Nguyễn Đức Huy	16CĐ-Ô1	03/05/1997
59	16001302	Trần Minh Dũng	16CĐ-Ô1	20/01/1998
60	16000850	Hoàng Đức Huy	16CĐ-Ô10	15/08/1998
61	16000797	Huỳnh Hữu Tinh	16CĐ-Ô10	22/10/1998
62	16000895	Huỳnh Tiến Thành	16CĐ-Ô10	10/06/1998
63	16000815	Nguyễn Lê Vũ Tường	16CĐ-Ô10	01/02/1998
64	16000841	Nguyễn Thái Long	16CĐ-Ô10	25/03/1997
65	16000910	Nguyễn Thành Luân	16CĐ-Ô10	23/12/1998
66	16000836	Nguyễn Văn Phát	16CĐ-Ô10	15/08/1997
67	16000907	Phạm Văn Thắng	16CĐ-Ô10	08/09/1998
68	16000902	Trương Hữu Phàm	16CĐ-Ô10	17/02/1998
69	16001017	Đỗ Minh Hải	16CĐ-Ô11	10/05/1995
70	16000989	Đỗ Trọng Dương	16CĐ-Ô11	26/09/1997
71	16001073	Lê Hữu Tài	16CĐ-Ô11	14/06/1998
72	16000944	Lý Hoàng Tuấn Kiệt	16CĐ-Ô11	19/09/1998
73	16000982	Nguyễn Cao Tấn	16CĐ-Ô11	21/06/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
74	16001218	Nguyễn Tấn Tới	16CĐ-Ô11	29/12/1998
75	16001031	Phạm Văn Minh Nhựt	16CĐ-Ô11	19/05/1998
76	16000956	Trịnh Hoài Vĩ	16CĐ-Ô11	20/07/1998
77	16001022	Trịnh Khôi Nguyên	16CĐ-Ô11	03/06/1998
78	16001142	Chung Vĩnh Luân	16CĐ-Ô12	24/04/1998
79	16001111	Hoàng Quốc Trung	16CĐ-Ô12	01/11/1998
80	16001078	Lê Văn Đại	16CĐ-Ô12	27/01/1998
81	16001148	Nguyễn Trần Minh Đức	16CĐ-Ô12	15/05/1998
82	16001077	Nguyễn Văn Nhã	16CĐ-Ô12	08/01/1998
83	16001129	Phạm Văn Tiến	16CĐ-Ô12	10/10/1998
84	16001152	Trần Quốc Thanh	16CĐ-Ô12	23/11/1998
85	16001090	Trần Việt Cường	16CĐ-Ô12	25/05/1998
86	16001273	Võ Chí Trung	16CĐ-Ô12	29/01/1998
87	16001482	Đặng Gia Thịnh	16CĐ-Ô2	03/06/1997
88	16001352	Lê Thành Phát	16CĐ-Ô2	14/08/1998
89	16003340	Nguyễn Văn Linh	16CĐ-Ô2	10/10/1996
90	16001350	Phan Ngọc Minh Thịnh	16CĐ-Ô2	05/10/1998
91	16001331	Trần Ngọc Cảnh	16CĐ-Ô2	29/07/1997
92	16001620	Đinh Hoàng Anh Tuấn	16CĐ-Ô3	19/08/1998
93	16001533	Hoàng Long Bảo Chấn	16CĐ-Ô3	14/07/1998
94	16001619	Nguyễn Minh Kiệt	16CĐ-Ô3	27/02/1998
95	16001555	Nguyễn Ngọc Trung	16CĐ-Ô3	17/08/1998
96	16001520	Nguyễn Phúc Toàn	16CĐ-Ô3	13/01/1997
97	16001653	Nguyễn Quốc Tùng	16CĐ-Ô3	13/10/1998
98	16001508	Nguyễn Thanh Hòa	16CĐ-Ô3	12/07/1996
99	16001618	Nguyễn Thanh Phong	16CĐ-Ô3	19/02/1998
100	16001554	Phạm Thế Vinh	16CĐ-Ô3	15/03/1998
101	16001504	Phan Quốc Việt	16CĐ-Ô3	01/07/1998
102	16001645	Sùng A Sèn	16CĐ-Ô3	30/12/1997
103	16003585	Trần Minh Nam	16CĐ-Ô3	01/01/1997
104	16001586	Trần Triều Tân	16CĐ-Ô3	05/05/1998
105	16001771	Đỗ Duy Thảo	16CĐ-Ô4	06/11/1998
106	16001787	Dương Minh Đức	16CĐ-Ô4	09/08/1997
107	16001284	Huỳnh Nhật Nam	16CĐ-Ô4	04/10/1998
108	16001681	Mai Quốc Thái	16CĐ-Ô4	19/03/1998
109	16002967	Nguyễn Tấn Phong	16CĐ-Ô4	10/08/1998
110	16001819	Nguyễn Văn Danh	16CĐ-Ô4	02/12/1998
111	16001801	Nguyễn Xuân Duy	16CĐ-Ô4	18/09/1998
112	16001693	Phạm Duy Tân	16CĐ-Ô4	17/09/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
113	16003618	Trần Hoàng Huy	16CĐ-Ô4	10/11/1998
114	16001805	Trần Hồng Quân	16CĐ-Ô4	18/10/1993
115	16001232	Trần Minh Khá	16CĐ-Ô4	13/08/1997
116	16003690	Võ Ngọc Đức	16CĐ-Ô4	30/08/1997
117	16002705	Vũ Anh Nguyên	16CĐ-Ô4	14/10/1998
118	16002077	Đinh Vĩnh Phú	16CĐ-Ô5	04/02/1997
119	16003717	Hà Tuấn Anh	16CĐ-Ô5	22/05/1998
120	16002032	Lê Truyền Long	16CĐ-Ô5	18/07/1998
121	16001995	Nguyễn Duy	16CĐ-Ô5	20/04/1998
122	16001957	Nguyễn Hữu Huyền	16CĐ-Ô5	18/02/1998
123	16001955	Nguyễn Phúc Thiện	16CĐ-Ô5	03/09/1997
124	16002013	Phan Thanh Lâm	16CĐ-Ô5	16/08/1997
125	16001958	Trà Thanh Lam	16CĐ-Ô5	05/09/1997
126	16001872	Trần Công Tiến	16CĐ-Ô5	02/06/1998
127	16001904	Trần Ngọc Hồng Hải	16CĐ-Ô5	01/04/1998
128	16001279	Cao Văn Phong	16CĐ-Ô6	15/03/1998
129	16002252	Đoàn Thế Khải	16CĐ-Ô6	17/08/1996
130	16003741	Hà Văn Đông	16CĐ-Ô6	25/03/1998
131	16001249	Hoàng Tuấn Phong	16CĐ-Ô6	02/06/1998
132	16002213	Huỳnh Ngọc Quý	16CĐ-Ô6	10/09/1997
133	16002126	Nguyễn Công Minh	16CĐ-Ô6	23/05/1998
134	16002356	Nguyễn Quyền Yến Nhi	16CĐ-Ô6	20/10/1997
135	16002220	Trần Chí Thành	16CĐ-Ô6	24/02/1998
136	16002219	Trần Đình Bảo	16CĐ-Ô6	23/09/1998
137	16002130	Vũ Duy Lâm	16CĐ-Ô6	12/02/1998
138	16002287	Vũ Hữu Huy	16CĐ-Ô6	18/11/1998
139	16002486	Đinh Trọng Tuấn	16CĐ-Ô7	10/10/1997
140	16002485	Hồ Ngô Thanh Thiên	16CĐ-Ô7	24/01/1998
141	16002503	Huỳnh Trần Minh Trí	16CĐ-Ô7	25/01/1995
142	16002496	Lâm Tín Nghĩa	16CĐ-Ô7	20/08/1997
143	16002555	Lê Ngọc Thiện	16CĐ-Ô7	19/03/1998
144	16002420	Ngô Tấn Trường	16CĐ-Ô7	19/10/1998
145	16002465	Nguyễn Hoàng Tuấn	16CĐ-Ô7	19/04/1996
146	16002436	Nguyễn Quốc Duy	16CĐ-Ô7	27/07/1997
147	16002408	Nguyễn Văn Thiên	16CĐ-Ô7	26/09/1998
148	16002554	Phạm Nguyễn Cường Thịnh	16CĐ-Ô7	07/09/1998
149	16002475	Phạm Phước Trường	16CĐ-Ô7	27/09/1998
150	16002464	Trần Minh Tuấn	16CĐ-Ô7	26/09/1998
151	16002364	Trần Phạm Thế Ngọc	16CĐ-Ô7	17/06/1998

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
152	16003329	Trang Minh Khiêm	16CĐ-Ô7	01/05/1998
153	16002715	Đàm Quyền	16CĐ-Ô8	08/11/1998
154	16002707	Hứa Thanh Trí	16CĐ-Ô8	12/03/1996
155	16001252	Huỳnh Thanh Tấn	16CĐ-Ô8	26/03/1998
156	16002701	Lê Anh Dũng	16CĐ-Ô8	26/08/1998
157	16002639	Lê Văn Duy	16CĐ-Ô8	13/05/1998
158	16002669	Lương Thanh Diêm	16CĐ-Ô8	28/07/1998
159	16002817	Ngô Hiệp Phát	16CĐ-Ô8	16/04/1998
160	16002843	Ngô Quế Thanh	16CĐ-Ô8	03/03/1998
161	16002720	Nguyễn Văn Tân	16CĐ-Ô8	30/01/1998
162	16002804	Nguyễn Xuân Tùng	16CĐ-Ô8	19/04/1996
163	16002655	Phẩm Đức Hải	16CĐ-Ô8	25/09/1998
164	16002625	Phạm Hữu Phú	16CĐ-Ô8	13/01/1989
165	16002820	Phan Quốc Hưng	16CĐ-Ô8	22/08/1998
166	16002693	Thái Quang Thiện	16CĐ-Ô8	02/05/1998
167	16002622	Trần Bá Hoàn	16CĐ-Ô8	13/11/1998
168	16002575	Trần Ngọc Duy	16CĐ-Ô8	02/07/1996
169	16002728	Trần Tuấn Huy	16CĐ-Ô8	03/03/1998
170	16002751	Trương Thế Hậu	16CĐ-Ô8	05/02/1998
171	16003076	Đinh Tiến Đạt	16CĐ-Ô9	18/07/1998
172	16003078	Đồng Minh Hoàng	16CĐ-Ô9	28/06/1998
173	16003055	Nguyễn Danh Tuấn	16CĐ-Ô9	27/06/1996
174	16002872	Nguyễn Hoài Phong	16CĐ-Ô9	13/05/1998
175	16003151	Nguyễn Quốc Hoàng	16CĐ-Ô9	11/04/1998
176	16002937	Trần Tiến Điền	16CĐ-Ô9	25/08/1996
177	16000367	Ngô Minh Hiếu	16TCN-Ô1	18/08/2001
178	16000032	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	16TCN-Ô1	14/03/2001
179	16000188	Trần Minh Sơn	16TCN-Ô1	06/08/2001
180	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	16TCN-Ô2	27/03/2001
181	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	16TCN-Ô2	26/08/2001
182	16000276	Bùi Phan Đăng Khoa	16TC-Ô1	17/07/2001
183	16001770	Đàm Gia Tường	16TC-Ô1	13/01/2001
184	16002184	Dương Trung Khang	16TC-Ô1	09/01/2001
185	16001992	Huỳnh Phan Thanh Khiết	16TC-Ô1	04/11/1999
186	16003524	Huỳnh Thanh Nhân	16TC-Ô1	22/11/1991
187	16000314	Huỳnh Thanh Trọng	16TC-Ô1	26/12/1999
188	16002989	Lê Đức Toàn	16TC-Ô1	17/07/2000
189	16000603	Lý Vũ Hoàng Thông	16TC-Ô1	08/09/2000
190	16000049	Ngô Trần Khôi Nguyên	16TC-Ô1	28/01/2001

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
191	16000673	Nguyễn Hoàng Phúc	16TC-Ô1	18/10/2000
192	16002110	Nguyễn Lê Quỳnh Khôi	16TC-Ô1	11/05/2001
193	16003015	Nguyễn Ngọc Đông	16TC-Ô1	14/11/1998
194	16000413	Nguyễn Nhật Nam	16TC-Ô1	29/11/2001
195	16000290	Nguyễn Thành Nhân	16TC-Ô1	23/02/2001
196	16001231	Nguyễn Thanh Thành	16TC-Ô1	15/10/1990
197	16003482	Nguyễn Văn Toàn	16TC-Ô1	06/08/1999
198	16000237	Phan Tấn Mẫn	16TC-Ô1	29/07/2000
199	16000553	Trần Anh Dũng	16TC-Ô1	05/06/2001
200	16003059	Trương Công Thành	16TC-Ô1	20/03/1998
201	16000488	Võ Thái Quốc	16TC-Ô1	30/01/2001
202	16003293	Hà Tiến Đạt	16TCT-Ô1	06/10/1997
203	16003028	Lê Nhật Tín	16TCT-Ô1	07/08/1997
204	16001847	Nguyễn Đăng Khánh	16TCT-Ô1	03/11/1997
205	16000642	Nguyễn Đức Lộc	16TCT-Ô1	19/01/1998
206	16000677	Nguyễn Hoàng	16TCT-Ô1	01/06/1998
207	16000682	Nguyễn Tấn Lộc	16TCT-Ô1	08/10/1997
208	16001243	Nguyễn Thanh Tuấn	16TCT-Ô1	10/09/1997
209	16003634	Tô Thành Đạt	16TCT-Ô1	11/08/1998
210	16003540	Phan Văn Công	16TCT-Ô2	23/03/1997
211	16002917	Tạ Minh Tuấn	16TCT-Ô2	11/07/1998
212	16001187	Vương Thành Danh	16TN-Ô	20/06/1997
Tổng cộng: 212 HS - SV				